**TRƯỜNG THPT TRIỆU QUANG PHỤC**

TỔ SỬ - ĐỊA – NGOẠI NGỮ

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ 10 – HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC 2021.2022**

**I/ CẤU TRÚC ĐỀ THI HK II:**

* 70% TN = 7 điểm – 28 Câu
* 30% TL = 3 điểm – 2 Câu

**I/ NỘI DUNG ÔN TẬP:**

* Chương 8 – địa lí ngành công nghiệp: vai trò, đặc điểm, nhân tố a/h đến sự phát triển công nghiệp, một số ngành CN chủ yếu, các hình thức tổ chức lãnh thổ CN.
* Chương 9 – địa lí ngành Dịch vụ: Vai trò, đặc điểm, nhân tố a/h đến dịch vụ, ngành giao thông vận tải, ngành thương mại.
* Chương 10 – môi trường và phát triển bền vững.
* Kỹ năng địa lí: Đọc atlat trang 21, 22, nhận diện biểu đồ, nhận xét biểu đồ, xử lý số liệu về khối lượng vận chuyển, luân chuyển, cự li ngành giao thông. Tính cán cân xuất nhập khẩu,…

**III/ CÂU HỎI ÔN TẬP THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI:**

*PHẦN TRẮC NGHIỆM: - 7điểm*

**Câu 1.** Căn cứ vào bản đồ Ngoại thương (năm 2007) ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, các nước và vùng lãnh thổ mà Việt Nam nhập khẩu hàng hóa có giá trị trên 6 tỉ USD là

**A**. Hoa Kì, Nhật Bản, Ôtraylia và Ấn Độ. **B.** Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan và Xingapo.

**C**. Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc và Liên bang Nga. **D**. Nhật Bản, Xingapo, Hoa Kì và Hàn Quốc

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cơ cấu ngành của trung tâm công nghiệp Nha Trang bao gồm:

**A**. cơ khí; hóa chất, phân bón; dệt, may; luyện kim màu.

**B**.cơ khí; hóa chất, phân bón; chế biến nông sản; sản xuất vật liệu xây dựng.

**C**. sản xuất giấy, xenlulô; sản xuất vật liệu xây dựng; hóa chất, phân bón; đóng tàu.

**D.** cơ khí; điện tử; khai thác, chế biến lâm sản; sản xuất ô tô.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu sau

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ DÂN SỐ CỦA

HOA KÌ, TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN NĂM 2014

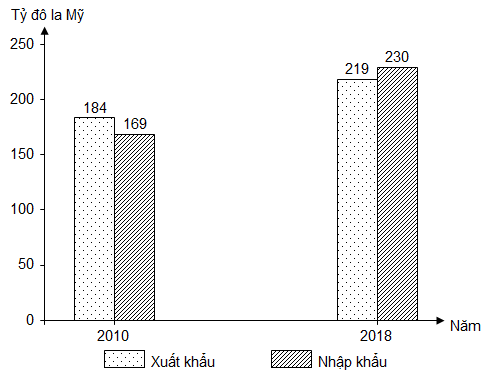
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quốc gia** | **Giá trị xuất khẩu**  **(tỉ USD)** | **Dân số**  **(triệu người)** |
| 1 | Hoa Kì | 1 610 | 323, 9 |
| 2 | Trung Quốc  (kể cả đặc khu Hồng Công) | 2 252 | 1 373, 5 |
| 3 | Nhật Bản | 710, 5 | 126, 7 |

*(số liệu chính thức được lấy từ nguồn CIA the world factbook)*

Biểu đồ thể hiện rõ nhất giá trị xuất khẩu và dân số vủa Hoa Kì, Trung Quốc và Nhật Bản năm 2014 là

**A.** Biểu đồ cột. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ miền. **D.** Biểu đồ kết hợp.

**Câu 4:** Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất, nhập khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a?

**A.** Xuất khẩu tăng và nhập khẩu giảm. **B.** Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

**C.** Xuất khẩu tăng gấp hai lần nhập khẩu. **D.** Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.

**Câu 5.** Tính chất hai giai đoạn của ngành sản xuất công nghiệp là do

**A.** trình độ sản xuất. **B.** đối tượng lao động. **C.** máy móc, thiết bị. **D.** trình độ lao động

**Câu 6.** Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn?

**A.** Dân cư và nguồn lao động. **B.** Thị trường.

**C.** Đường lối chính sách. **D.** Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

**Câu 7.** Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

**A.** tài nguyên thiên nhiên. **B.** vị trí địa lí.

**C.** dân cư và nguồn lao động. **D.** cơ sở hạ tầng.

**Câu 8.** Ý nào sau đây đúng với vai trò của ngành sản xuất công nghiệp?

**A.** Là cơ sở để phát triển ngành chăn nuôi.

**B.** Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người.

**C.** Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội.

**D.** Tạo ra mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương, các nước.

**Câu 9.** Đâu **không** phải sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm?

**A.** Dệt - may, da giày, nhựa. **B.** Thịt, cá hộp và đông lạnh.

**C.** Rau quả sấy và đóng hộp. **D.** Sữa, rượu, bia, nước giải khát.

**Câu 10.** Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân ngành nào sau đây?

**A.** Công nghiệp điện lực, hóa chất và khai thác than.

**B.** Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí.

**C.** Khai thác gỗ, khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện.

**D.** Khai thác than, khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

**Câu 11.** Dịch vụ kinh doanh gồm

**A.** vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, tư vấn.

**B.** bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ cá nhân.

**C.** bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, khoa học công nghệ.

**D.** vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, giáo dục.

**Câu 12.** Ngành dịch vụ nào duới đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

**A.** Hoạt động đoàn thể. **B.** Hành chính công. **C.** Bán buôn, bán lẻ. **D.** Thông tin liên lạc.

**Câu 13.** Những hoạt động nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ tiêu dùng?

**A.** Giáo dục, y tế và bất động sản. **B.** Tài chính, bán buôn và bán lẻ.

**C.** Vận tải, bảo hiểm và viễn thông. **D.** Bán buôn, du lịch và giáo dục.

**Câu 14.** Ở nhiều nước trên thế giới ngành dịch vụ được chia thành

**A.** dịch vụ công, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

**B.** dịch vụ công, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ tiêu dùng.

**C.** dịch vụ kinh doanh, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

**D.** dịch vụ bán buôn bán lẻ, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

**Câu 15.** Giao thông vận tải, thông tin liên lạc, tài chính bảo hiểm…thuộc nhóm dịch vụ

**A.** công. **B.** kinh doanh. **C.** tiêu dùng. **D.** sản xuất.

**Câu 16.** Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ là.

**A.** Sức mua, nhu cầu dịch vụ. **B.** hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ.

**C.** phân bố mạng lưới ngành dịch vụ. **D.** nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

**Câu 17**. Trung tâm dịch vụ lớn nhất ở Việt Nam là

**A.** Đà Nẵng. **B.** Nha Trang. **C.** Hải Phòng. **D.** TP Hồ Chí Minh.

**Câu 18.** Đường sắt và đường biển có ưu điểm giống nhau là

**A.** an toàn. **B.** tính cơ động cao.

**C.** tốc độ nhanh. **D.** chở được hàng nặng, cồng kềnh.

**Câu 19**. Nhược điểm lớn nhất của ngành đường ôtô là

**A.** chí phí xây dựng cầu đường quá lớn. **B.** tình trạng tắt nghẽn giao thông vào giờ cao điểm.

**C.** gây ra những vấn đề nghiêm trọng về môi trường. **D.** độ an toàn chưa cao thường xuyên xảy ra tai nạn.

**Câu 20.** Ưu điểm lớn nhất của ngành hàng không là

**A.** ít gây ra những vấn đề về môi trường. **B.** vận chuyển được khối lượng hàng hóa lớn.

**C.** tốc độ vận chuyển nhanh nhất. **D.** an toàn và tiện nghi.

**Câu 21**. Khu vực nào sau đây tập trung nhiều cảng biển của thế giới?

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Đại Tây Dương. **C.** Ấn Độ Dương. **D.** Bắc Băng Dương.

**Câu 22**. Ưu điểm của ngành giao thông vận tải đường sắt là

**A.** vận tốc nhanh, đảm nhận vận chuyển quốc tế.

**B.** vận chuyển được các hàng nặng, ổn định, giá rẻ.

**C.** tiện lợi, cơ động, thích nghi cao với các điều kiện địa hình.

**D.** tốc độ vận chuyển nhanh mà không phượng tiện nào sánh kịp.

**Câu 23.** Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu dịch vụ?

**A.** Tài nguyên thiên nhiên. **B.** Di sản văn hóa, lịch sử.

**C.** Phân bố điểm dân cư. **D.** Mức sống và nhu cầu thực tế.

**Câu 24.** Thị trường hoạt động theo quy luật

**A.** cung và cầu. **B.** mua và bán. **C.** sản xuất và tiêu dùng. **D.** xuất và nhập.

**Câu 25.** Đặc điểm nào sau đây đúng với hoạt động của ngành ngoại thương?

**A.** Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới. **B.** Trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.

**C.** Liên kết thị trường các vùng trong một nước. **D.** Hợp tác sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

**Câu 26.** Chức năng của môi trường là

**A.** không gian sống và cung cấp tài nguyên thiên nhiên.

**B.** không gian sống và chứa đựng phế thải của con người.

**C.** cung cấp tài nguyên thiên nhiên và chứa đựng phế thải.

**D.** không gian sống, cung cấp tài nguyên và chứa đựng phế thải.

**Câu 27.** Môi trường tự nhiên có vai trò

**A.** rất quan trọng nhưng không quyết định. **B.** không quan trọng sự phát triển loài người.

**C.** quyết định sự phát triển của xã hội loài người. **D.** không thể thiếu sự tồn tại và phát triển xã hội loài người.

**Câu 28.** Căn cứ vào khả năng hao kiệt, tài nguyên thiên nhiên được phân thành

**A.** đất, nước, không khí và sinh vật. **B.** có thể bị hao kiệt và không bị hao kiệt.

**C.** tài nguyên phục hồi và không phục hồi. **D.** tài nguyên nông nghiệp, công nghiệp.

*PHẦN TỰ LUẬN: - 3điểm*

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015

*(Đơn vị: Tỷ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Ma-lai-xi-a** | **Thái Lan** | **Xin-ga-po** | **Việt Nam** |
| Xuất khẩu | 210,1 | 272,9 | 516,7 | 173,3 |
| Nhập khẩu | 187,4 | 228,2 | 438,0 | 181,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê,2017)*

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2015?

**Câu 2:** Nêu đặc điểm của hình thức Trung tâm công nghiệp? Vì sao Đông Nam Bộ là vùng công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất cả nước?

-------------------------------------------------------------